

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA: NGOẠI NGỮ

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1 , năm học 2023 - 2024

Mã học phần: 7NA0680

Tên học phần: Cấu trúc học

Mã nhóm lớp học phần: 231_7NA0680_01

Thời gian làm bài (phút/ngày): 75 phút

Hình thức thi: **Trắc nghiệm kết hợp tự luận**

SV được tham khảo tài liệu: Có

Không

Cách thức nộp bài phần tự luận (Giảng viên ghi rõ yêu cầu):

- SV gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi;
- Upload file bài làm (word, excel, pdf...);

PHẦN TRẮC NGHIỆM (5 điểm)

PART 1: Choose the correct answers for each of the following questions (2.5 điểm)

(0.125 điểm/ câu)

A..... sentence has clauses which hold equal status.

A. compound

B. simple

C. complex

D. coordinate

ANSWER: A

Which sentence has a noun clause?

A. Just do what you want.

B. The book you bought for me is great.

C. The red team would win the match, I believe.

D. She will never forgive you unless you do something.

ANSWER: A

Which sentence has a dependent clause?

A. That he passed the exam with flying colors is surprising.

B. They've changed their attitudes towards the problem.

C. She was late, but the teacher didn't scold her.

D. Swimming is good for your health.

ANSWER: A

The kind of pre-modifier occurring in adjective phrases is a(n).....

A. adverb

B. preposition

C. noun

D. verb

ANSWER: A

In the _____ sentence, one clause is subordinate to another clause and function as a grammatical part of that clause.

A. complex

B. simple

C. compound

D. imbedded

ANSWER: A

Which of the following phrases has at least two possible meanings due to the structural ambiguity?

A. bumped into the man with an umbrella

B. did the task with disappointment

C. had his hair cut

D. an old man who is speaking to Mary

ANSWER: A

Which of the following phrases is a noun phrase?

A. the young man with his birds

B. very responsive to the problem

C. successfully complete the task

D. comfortable and cheap

ANSWER: A

Which phrase contains an adjective?

A. a deserved boy

B. a falling leave

C. the imported item

D. drinking water

ANSWER: A

Which of the following is a relative pronoun?

A. Which

B. And

C. Because

D. Quickly

ANSWER: A

In the sentence, "*To go or not to go, that is the question,*" what is the function of the word "*that*"?

A. Subject

B. Pronoun

C. Object

D. Modifier

ANSWER: A

What type of sentence is the following: "*The book on the shelf is mine*"?

A. Simple

B. Compound

C. Complex

D. Compound-complex

ANSWER: A

Which sentence contains a concessive clause?

A. She ran fast even though she was tired.

B. He studied hard to pass the exam.

C. The book is on the shelf.

D. They sing beautifully.

ANSWER: A

Which sentence demonstrates structural ambiguity?

A. "The dog chased the cat with the stick."

B. "I met her at the bank."

C. "He reads the book in the evening."

D. "She plays the piano beautifully."

ANSWER: A

What is the function of "*for my birthday*" in the sentence, "*He baked a cake for my birthday*"?

- A. Modifier
- B. Complement of Non
- C. Adverbial phrase
- D. Noun

ANSWER: A

What is the positional class of the phrase "*with a smile*" in the sentence, "*She greeted him with a smile*"?

- A. Adverbial
- B. Adjectival
- C. Nominal
- D. Verbal

ANSWER: A

Which of the followings is a functional word?

- A. auxiliary
- B. verb
- C. adjective
- D. adverb

ANSWER: A

Which sentence is an example of a **compound** sentence?

- A. The cat chased the mouse, and the dog barked.
- B. She likes to read some interesting fiction books.
- C. Is he coming to the party of John tomorrow?
- D. They were playing outside very loudly.

ANSWER: A

What type of sentence is the following: "**Please hand me the book**"?

- A. Imperative
- B. Exclamatory
- C. Interrogative

D. Declarative

ANSWER: A

By **form** the underlined part in ‘She loves watching flowers springing after a snowy night’ is a:

- A. present participle phrase
- B. absolute phrase
- C. noun phrase
- D. gerund phrase

ANSWER: A

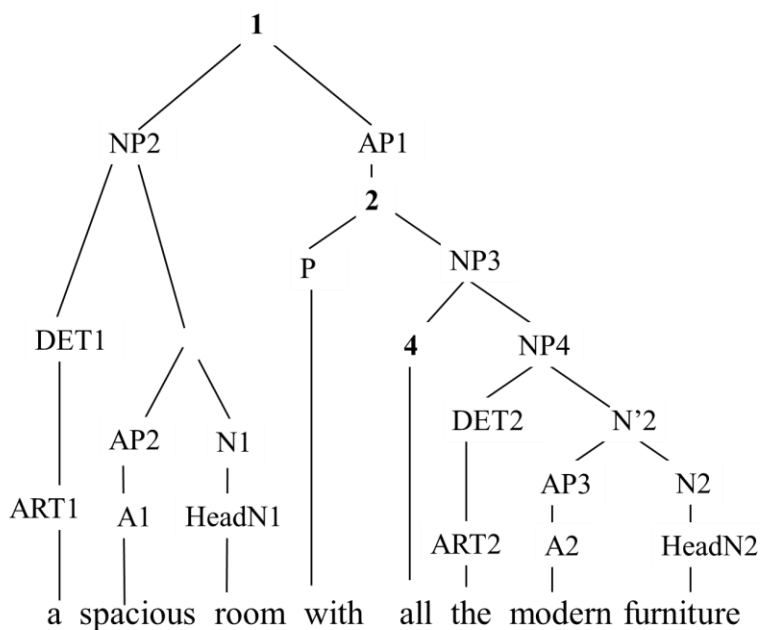
By **position** the underlined part in ‘swimming regularly, I am getting healthier’ is a:

- A. adverbial
- B. present participle phrase
- C. sentence modifier
- D. verb phrase

ANSWER: A

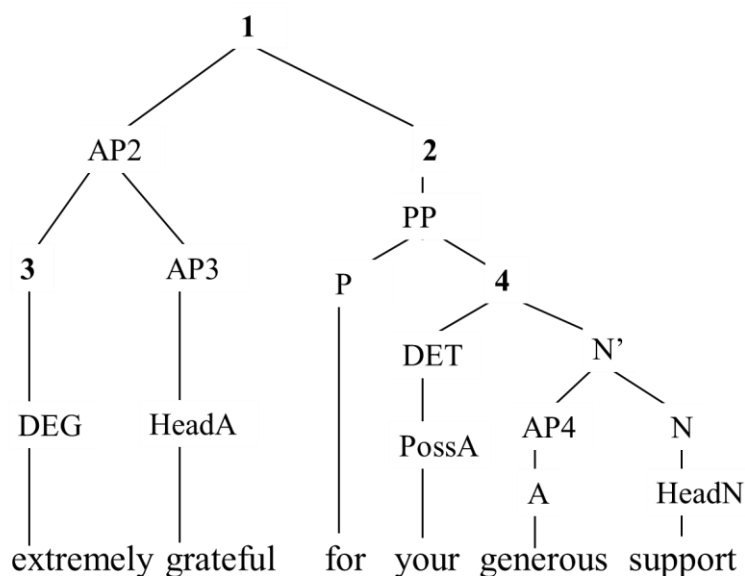
PART 2: Choose the correct answer. (2.5 điểm) (0.5 điểm/ câu)

What is each numbered space best replaced with?



- A. 1: NP; 2: PP; 3: N'; 4: PRE-DET
- B. 1: NP; 2: AdvP; 3: NP; 4: DET
- C. 1: AP; 2: PP; 3: N'; 4: QA
- D. 1: AP; 2: AdvP; 3: NP; 4: PRE-DET

ANSWER: A



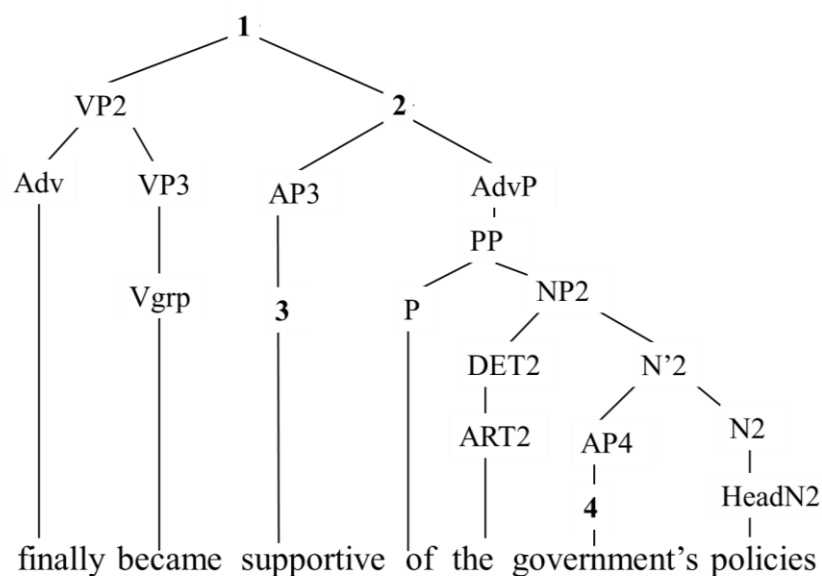
A. 1: AP; 2: AdvP; 3: Adv; 4: NP

B. 1: AdvP; 2: AdvP; 3: AP; 4: N'

C. 1: AP; 2: AP; 3: Adv; 4: NP

D. 1: NP; 2: NP; 3: AP; 4: N'

ANSWER: A



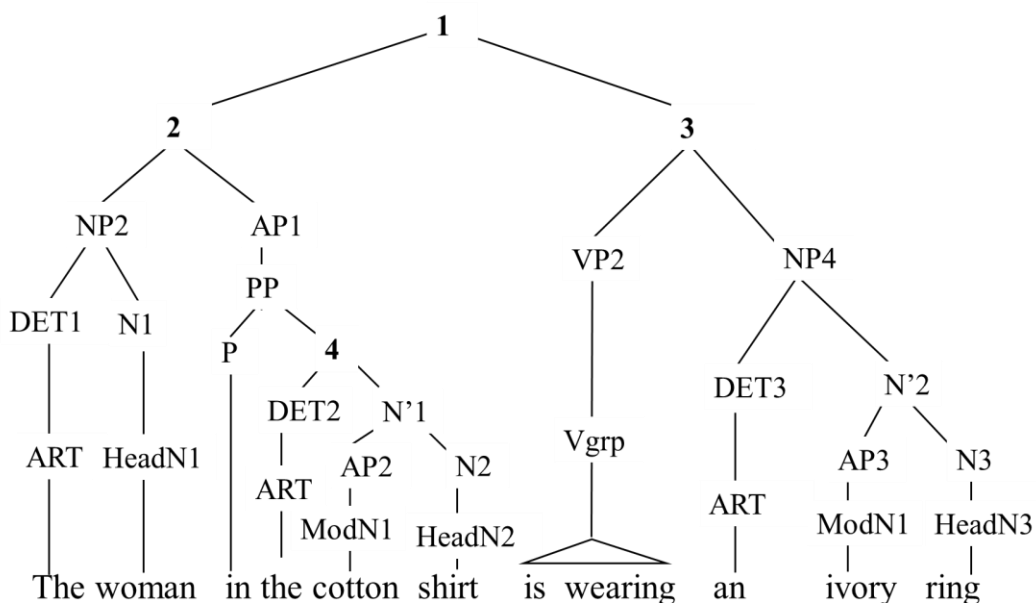
A. 1: VP; 2: AP; 3: HeadA; 4: PossCommN

B. 1: AP; 2: AP; 3: HeadA; 4: PossA

C. 1: VP; 2: VP; 3: V-part; 4: PossCommN

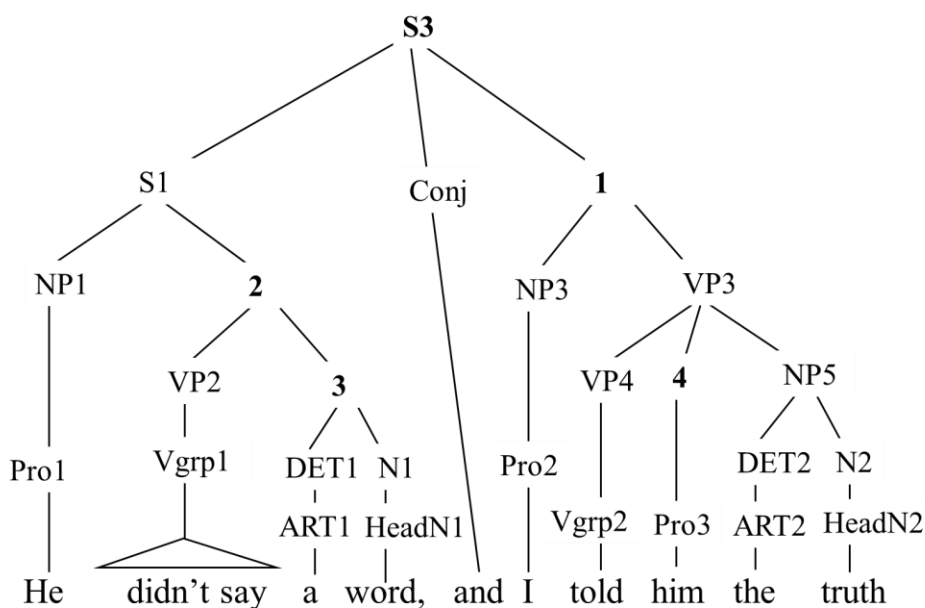
D. 1: NP; 2: AdvP; 3: AP; 4: PossPro

ANSWER: A



- A. 1: S; 2: NP; 3: VP; 4: NP
- B. 1: S; 2: VP; 3: NP; 4: N'
- C. 1: S'; 2: NP; 3: VP; 4: AP
- D. 1: NP; 2: N'; 3: VP; 4: AdvP

ANSWER: A



- A. 1: S; 2: VP; 3: NP; 4: NP
- B. 1: S'; 2: VP; 3: N'; 4: N'
- C. 1: S'; 2: AP; 3: N'; 4: NP
- D. 1: S; 2: NP; 3: NP; 4: N'

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (5 điểm)

PART 3: Determine the forms, positions, and syntactic of the underlined word in each of the following sentences. (2.5 điểm) (0.5 điểm/câu)

Câu 1 (0.5 điểm): : She is doing homework in her study room.

Đáp án Câu 1: Form: Noun (N) - Function: Direct Object (DO) - Position: Nominal (Nal)

Câu 2 (0.5 điểm): He is getting thinner on his new diet.

Đáp án Câu 2: Form: Adjective (A) - Function: Subject Compliment (SC) - Position: Adjectival (Ajal)

Câu 3 (0.5 điểm): They are attending an important meeting tomorrow.

Đáp án Câu 3: Form: Adverb (Av) - Function: Modifier (M) - Position: Adverbial (Aval)

Câu 4 (0.5 điểm): “How glad I am to see you” were his first words.

Đáp án Câu 4: Form: Noun Clause (NC) - Function: Subject (S) - Position: Nominal (Nal)

Câu 5 (0.5 điểm): She was given a dog on her birthday, and she named it Chubby.

Đáp án Câu 5: Form: Noun (N) - Function: Object Compliment (OC) - Position: Nominal (Nal)

PART 4: The sentences below are ambiguous. Rewrite them in a way which makes their intended meaning clear and unambiguous. (2.5 điểm) (0.5 điểm/ câu)

Câu 1 (0.5 điểm): The man who whistled at the girl kissed her.

Đáp án Câu 1: The man, who whistled at the girl, kissed her

Câu 2 (0.5 điểm): We watched her flowers with the binoculars.

Đáp án Câu 2: We used binoculars to watch her flowers.

Câu 3 (0.5 điểm): She wrote a letter to her friend on the bus.

Đáp án Câu 3: She wrote a letter to her friend while she was on the bus.

Câu 4 (0.5 điểm): The scientist examined the virus under the microscope that was contagious. **Đáp án Câu 4: he scientist examined the contagious virus under the microscope.**

Câu 5 (0.5 điểm): I saw the man with the telescope in the park.

Đáp án Câu 5: I saw the man who had a telescope with him in the park.

Ngày biên soạn: 15/10/2023

Giảng viên biên soạn đề thi: Nguyễn Thanh Minh

Ngày kiểm duyệt: 20/10/2023

Trưởng Khoa kiểm duyệt đề thi: TS. Phan Thế Hưng